

CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 10/2026/BC-HTNV-PHFH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (Quý 3 năm 2026)

(Báo cáo theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC
ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ ĐẦU TƯ CHỌN LỌC PHÚ HƯNG VIỆT NAM (“QUỸ”)

1. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết.

2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo Báo cáo tài chính Quý III năm 2026 của Quỹ, tính đến ngày 30/09/2026, tổng giá trị tài sản ròng (“NAV”) của Quỹ giảm 32,33 (%) so với giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu kỳ báo cáo 30/06/2026, giá NAV trên một Chứng chỉ quỹ (“CCQ”) giảm 2,07 (%) so với đầu kỳ.

3. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ áp dụng nguyên tắc đầu tư thận trọng với chiến lược đầu tư giá trị. Việc phân bổ danh mục đầu tư của Quỹ dựa trên tiêu chí nâng cao động lực tăng trưởng cho giá trị tài sản đầu tư theo quy trình chấp nhận rủi ro hợp lý.

Trong điều kiện bình thường, Quỹ có thể phân bổ tỷ trọng đầu tư 100% vào cổ phiếu. Khi nền kinh tế có những biến động bất lợi, Quỹ có thể nắm giữ giá trị tài sản ròng dưới hình thức tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tài sản có thu nhập cố định để giảm thiểu rủi ro, phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư theo Điều 10 Điều lệ Quỹ.

Để đạt được mục tiêu đầu tư, Quỹ thực hiện đa dạng hóa danh mục vào hầu hết các ngành nghề. Tùy vào đặc điểm của chu kỳ kinh tế, thay đổi trong cơ cấu kinh tế và môi trường kinh doanh mà Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội phát sinh để tập trung nắm giữ một số doanh nghiệp thuộc một vài ngành nghề nhất định trong một khoảng thời gian nhất định.

Các doanh nghiệp mục tiêu của Quỹ là những doanh nghiệp niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán, có nền tảng tốt, tỷ lệ chi trả cổ tức cao và tiềm năng tăng trưởng tốt.

4. Phân loại Quỹ

Loại hình: Quỹ mở.

5. Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ

Không giới hạn.

6. Mức độ rủi ro ngắn hạn

Quỹ có mức độ rủi ro ngắn hạn trung bình đến cao.

7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 66/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21 tháng 11 năm 2022. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2026, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 128.151.748.295 đồng, tương ứng với 10.063.561,20 chứng chỉ quỹ.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

- Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho Nhà đầu tư nếu:
 - Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;
 - Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý quỹ và phải được Đại hội Nhà đầu tư hoặc Ban đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ ở thời điểm báo cáo

Quỹ không phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư trong kỳ báo cáo.

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ

Chỉ tiêu	30/09/2026 (%)	30/06/2026 (%)	31/03/2026 (%)
Danh mục cổ phiếu	89,24	83,46	87,38
Tiền và tương đương tiền	3,15	11,36	6,10
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ ba (03) tháng trở lên	6,97	4,72	5,61
Tài sản khác	0,63	0,46	0,91
Cộng	100,00	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	30/09/2026	30/06/2026	31/03/2026
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	128.151.748.295	189.384.801.843	194.102.370.025
2.2. Tổng số Chứng chỉ quỹ đang lưu hành	10.063.561,20	14.564.515,82	14.544.858,20
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) (VND)	12.734,23	13.003,16	13.345,09
2.4. Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	13.121,66	13.521,54	14.402,89
2.5. Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	11.788,43	12.791,45	12.653,35
2.6. Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.7. Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.8. Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo (VND)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.9. Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(2,07)	(2,56)	(0,58)
2.9.1. Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá)	(3,77)	(2,38)	(2,36)
2.9.2. Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện)	1,70	(0,18)	1,78
2.10. Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.11. Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.12. Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
2.13. Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	2,37	2,2	2,39
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	105,61	80,79	149,32

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm (%)
1 năm	(8,71)	(2,07)
3 năm	19,55	6,13
Từ khi thành lập	27,34	6,46
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	Không áp dụng	Không áp dụng

4. Tăng trưởng hàng năm

Thời kỳ	30/09/2026	30/09/2025
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ	(8,71)	14,03

C.T.C.
ĐY
HÀN
Y QUỸ
HUNG
HỒ CHÍ

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

Bức tranh kinh tế Việt Nam 9 tháng đầu năm 2026 ghi nhận đà tăng trưởng bứt phá nhưng xuất hiện sự lệch pha rõ rệt với diễn biến thị trường tài chính. Về kinh tế cho thấy GDP 9 tháng đạt 9,01%, đây là mức tăng 9 tháng cao nhất nhiều năm qua nhờ ngành trụ cột là công nghiệp và xây dựng tăng 12,50%, đóng góp 51,57% vào tăng trưởng GDP. Đáng chú ý, ngành chế biến, chế tạo với đại diện là chỉ số IIP trong quý III cũng ghi nhận mức tăng ấn tượng 14,8%. Dòng vốn đầu tư duy trì tích cực khi vốn thực hiện toàn xã hội đạt 3.109,6 nghìn tỷ đồng (+15,1%), FDI đăng ký đạt 50,36 tỷ USD (+76,4%) và FDI thực hiện đạt 21,07 tỷ USD (+12,1% kỷ lục 5 năm). Tuy nhiên, rủi ro vĩ mô vẫn đang là vấn đề lớn khi CPI bình quân 9 tháng chạm 4,52% (quý III tăng 4,80%, vượt trần mục tiêu 4,5%) và cán cân thương mại đảo chiều nhập siêu 19,42 tỷ USD dù tổng kim ngạch đạt kỷ lục 888,02 tỷ USD (nhập khẩu tăng 36,7% so với xuất khẩu tăng 24,5%).

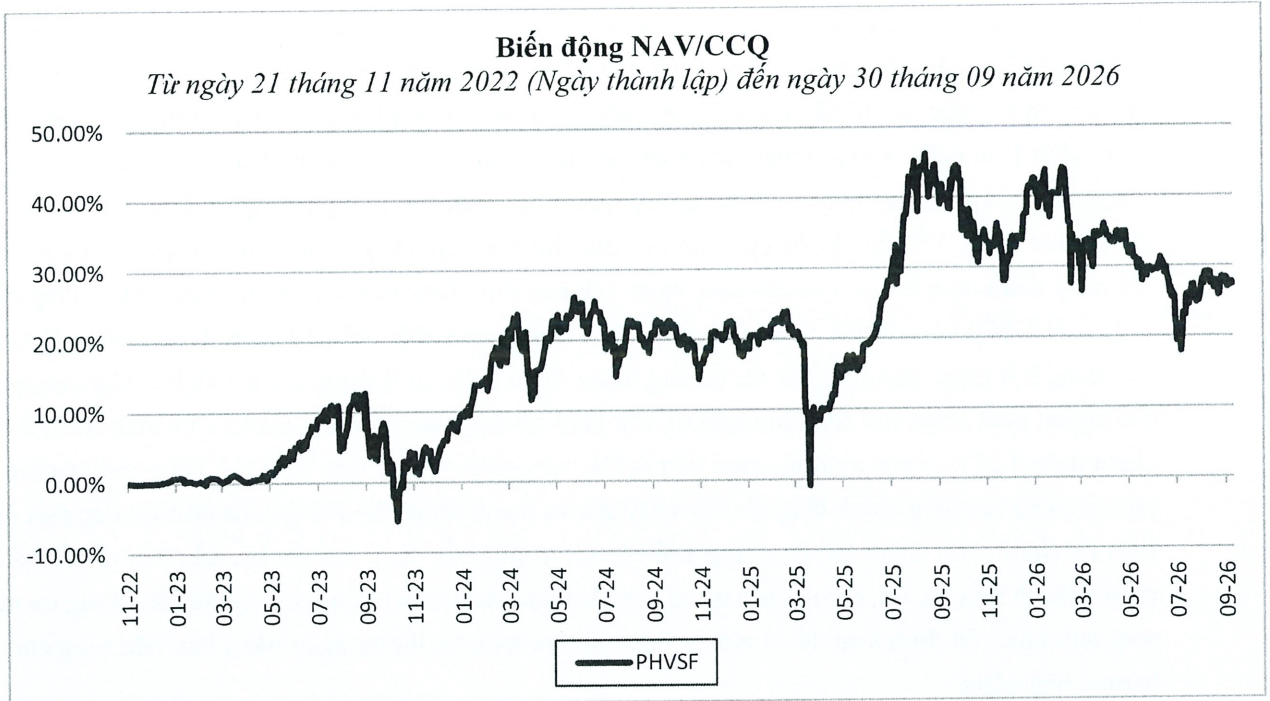
Trái ngược với đà tăng trưởng tích cực từ vĩ mô, thị trường chứng khoán quý III/2026 suy yếu và đi kèm tín hiệu kém lạc quan do áp lực từ tỷ giá, lạm phát và chốt lời. VN-Index đóng cửa quý III tại 1.768,62 điểm (giảm gần 5% so với quý II), Giá trị giao dịch trung bình trên thị trường chứng khoán trong quý III đạt 18.590 tỷ đồng/phần, giảm 23,2% so với mức bình quân của quý II/2026. Trong khi khối ngoại duy trì đà bán ròng liên tục, đưa giá trị bán ròng lũy kế từ đầu năm đến nay lên khoảng 98.441 tỷ đồng. Trong bối cảnh chính sách tiền tệ thắt chặt, chiến lược phân bổ vốn của quỹ ưu tiên các nhóm ngành có nền tảng tài chính và hoạt động kinh doanh ổn định, ít sử dụng từ nguồn vốn đi vay.

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ	12,66	24,29
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị CCQ	(21,37)	3,05
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ	(8,71)	27,34
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị CCQ	(8,71)	6,46
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	N/a	N/a
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ	N/a	N/a

- Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ



- Thay đổi giá trị tài sản ròng

Chỉ tiêu	30/09/2026 (VND) (1)	30/06/2026 (VND) (2)	Tỷ lệ thay đổi (%) (3)=((1)-(2))/(2)
NAV của Quỹ	128,151,748,295	189.384.801.843	(32,33)
NAV/CCQ	12,734.23	13.003,16	(2,07)

Trong giai đoạn từ 30/06/2026 đến 30/09/2026. NAV của Quỹ giảm 32,33% và NAV/CCQ giảm 2,07% trong cùng giai đoạn do sự biến động giá của danh mục chứng khoán và phát hành/ mua lại Chứng chỉ quỹ cho Nhà đầu tư.

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	864	179.413,26	1.78
Từ 5.000 đến 10.000	4	31.579,19	0.31
Từ 10.000 đến 50.000	7	100.142,93	1.00
Từ 50,000 đến 500,000	4	431.038,34	4.28
Trên 500,000	4	9.321.387,48	92.63
Tổng cộng	883	10.063.561,20	100

3. Chi phí ngầm và giảm giá

Không có.

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Bước sang quý IV/2026, nền kinh tế Việt Nam tiến vào giai đoạn nước rút nhằm hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP cả năm đầy thách thức, trong thế giằng co giữa đà bứt tốc nội tại và áp lực vĩ mô tích tụ từ các quý trước. Mặc dù chi tiêu công tiếp tục đóng vai trò đòn bẩy kích cầu then chốt, thực tế giải ngân vốn Ngân sách Nhà nước 9 tháng đầu năm mới đạt 58,7% dự toán năm (+ 49,3% so với cùng kỳ), tạo áp lực dồn nén cực lớn lên quý cuối năm đòi hỏi sự quyết liệt vượt bậc trong tháo gỡ vướng mắc pháp lý và giải phóng mặt bằng. Về yếu tố bên ngoài, rủi ro địa chính trị dai dẳng cùng áp lực tỷ giá gia tăng đã đẩy chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu lên cao, phản ánh qua mức tăng vọt 36,7% của kim ngạch nhập khẩu (đạt 453,72 tỷ USD) và kéo cán cân thương mại đảo chiều sang nhập siêu 19,42 tỷ USD. Đồng thời, sức cầu tiêu dùng hồi phục chậm tại các thị trường trọng điểm (Mỹ, EU) đang cản trở đà bứt phá kim ngạch của các ngành xuất khẩu chủ lực như điện tử, dệt may và thủy sản. Ở trong nước, CPI bình quân 9 tháng đã chạm mốc 4,52% (vượt ngưỡng mục tiêu 4,5%; lạm phát cơ bản tăng 4,26%), buộc môi trường lãi suất phải chịu áp lực điều chỉnh tăng để bảo vệ tỷ giá và thanh khoản hệ thống, qua đó trực tiếp thắt chặt điều kiện tài chính, làm chậm lại nhịp phục hồi của thị trường bất động sản lẫn sức cầu đầu tư tư nhân. Trước những thách thức to lớn, chính sách trong quý IV buộc phải định hướng phòng thủ cẩn trọng, ưu tiên kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng làm nền tảng cho đà tăng trưởng bền vững.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về từng nhân sự điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.

Kính báo cáo và trân trọng,/,

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: HTNV

CTCP QUẢN LÝ QUỸ PHÚ HƯNG
TỔNG GIÁM ĐỐC



LƯU HUI HUNG